

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
V - TP. HÀ NỘI.**

Bản án số 83/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 11/3/2025

*V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia
đình”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**
2. Ông **Lê Văn Hoan**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương** - Thư ký Tòa án nhân huyện B V

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Thái Bình** - Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện B V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 338/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Thanh M**, sinh năm 1976

HKTT: Thôn 5, xã B Tr, huyện B V, thành phố Hà Nội

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1978

HKTT: Thôn 5, xã B Tr, huyện B V, thành phố Hà Nội

TQ: Thôn 7, xã B Tr, huyện B V, thành phố Hà Nội

(Anh M, chị H có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải anh Phạm Thanh M trình bày: Tôi và chị Phạm Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 18/5/2011 tại UBND xã B Tr, huyện B V, thành phố Hà Nội, lấy nhau tự nguyện tìm hiểu. Sau khi c^ối vợ chồng về chung sống hạnh phúc được 1 năm 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ, nợ nần dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2012 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải chị Phạm Thị Thu H trình bày: Tôi và anh Phạm Thanh M đăng ký kết hôn ngày 18/5/2011 tại UBND xã B Tr, huyện B V, thành phố Hà Nội, lấy nhau tự nguyện tìm hiểu. Sau khi c^ối vợ chồng về chung sống hạnh phúc được 1 năm 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, vợ chồng thường xảy ra xích mích, vợ chồng sống ly thân từ ngày 04 tháng 11 năm 2012 (âm lịch) cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Anh M và chị H đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 23/01/2012.

- Quan điểm của anh M hiện nay cháu Ph đang ở với chị H khi ly hôn tôi đồng ý để chị H tiếp tục nuôi cháu Phương và không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

- Quan điểm của chị H hiện nay cháu Ph đang ở với tôi, khi ly hôn tôi xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ph và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn)/tháng, kể từ tháng 11/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi (đến năm 2029) tổng số tiền 1.020.000.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng chẵn)

- **Tài sản chung:** Chị H trình bày: có 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ và trang trại gà xây năm nào chị không nhớ trên mảnh đất diện tích (chị không biết), nguồn gốc đất của 2 vợ chồng, năm nào chị không nhớ anh M đã bán được 1 tỷ 500 triệu. Quan điểm của chị chia đôi. Năm 2011 chị cưới anh M về đã có đất và nhà, công trình phụ, trang trại. Chị sẽ nộp đơn yêu cầu độc lập về tài sản hạn trước ngày 10/01/2025.

Anh M trình bày: Vợ chồng không có tài sản gì, vì những tài sản trên chị Hà trình bày có từ trước khi anh cưới chị H về, anh không đồng ý chia.

- Công nợ:

Theo anh M trình bày: Tôi không cầm của chị H 2 chỉ vàng. Ngày 23/7/2012 vợ chồng có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã S T (thuộc Chi nhánh X Kh) vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn), vay tiền mục đích chăn nuôi bị thua lỗ, ngày 01/11/2012 chị Hà bỏ đi, khoản nợ này anh M tự trả. Quan điểm của anh M yêu cầu chị H phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền trên cho anh M.

Theo chị H trình bày: khi anh M cưới chị về có vay của chị 2 chỉ vàng nhưng chưa trả (khi chị đưa không có giấy từ gì) . Nay chị yêu cầu anh M phải trả cho chị

2 chỉ vàng trị giá 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng chẵn). Ngày 23/7/2012 vợ chồng có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã S T (thuộc Chi nhánh X Kh) vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn), vay để trả số tiền trước để đảo nợ cho anh M vay Ngân hàng. Quan điểm của chị không đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Thanh M vẫn giữ nguyên quan điểm. Chị Phạm Thị Thu H thay đổi quan điểm về trợ cấp yêu cầu anh M phải trợ cấp nuôi cháu Ph cho chị từ năm 2018 cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản chị thừa nhận không có.

**Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, thẩm phán, thư ký, các hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 55,56,81,82,83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thanh M. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thanh M và chị Phạm Thị Thu H. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thu Phương, sinh ngày 23/01/2012. Giao cho chị Phạm Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 23/01/2012 cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Về trợ cấp nuôi con chung: Buộc anh M phải cấp dưỡng cho chị H nuôi cháu Ph 1.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 3/2025 cho đến cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ: Bác các yêu cầu của anh M, chị H. Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Chị Phạm Thị Thu H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã B Tr, huyện B V, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa anh Phạm Thanh M và chị Phạm Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến bất đồng quan điểm, không hợp tính cách thường xuyên cãi vã nhau cuộc sống chung không có hạnh phúc anh M và chị H đều xác định tình cảm không còn. Hai anh chị đã sống ly thân nhau và cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 11 năm 2012 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M và chị H đều xin thuận tình ly hôn. Nên HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phạm Thanh M và chị Phạm Thị Thu H là phù hợp với quy định tại các Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Anh Phạm Thanh M và chị Phạm Thị Thu H đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 23/01/2012. Anh M và chị H thống nhất giao cho chị Hà tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 23/01/2012, theo lời khai của cháu Phương có nguyện vọng xin được ở với chị H. Do vậy, HĐXX giao cho chị Phạm Thị Thu H tiếp tục nuôi cháu Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 23/01/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Tại phiên tòa chị Phạm Thị Thu H yêu cầu anh Phạm Thanh M phải trợ cấp nuôi cháu Phạm Thị Thu Ph từ năm 2018 cho

đến khi cháu đủ 18 tuổi mỗi tháng 1.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật nhưng HĐXX chỉ chấp nhận thời hạn trợ cấp cho cháu Ph kể từ tháng 3/2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Do vậy, buộc anh M phải trợ cấp cho chị H nuôi cháu Ph 1.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 3/2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Thanh M được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên toà hôm nay chị H, anh M thừa nhận tài sản chung vợ chồng không có. Do vậy HĐXX không xem xét.

[6] Công nợ:

Theo chị H trình bày: khi chị lấy anh M, anh M có vay của chị 2 chỉ vàng nhưng chưa trả (khi chị đưa không có giấy từ gì) . Nay chị yêu cầu anh M phải trả cho chị 2 chỉ vàng trị giá 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng chẵn). Theo anh M trình bày: anh không cầm của chị H 2 chỉ vàng. Xét thấy, chị Hà yêu cầu anh M phải trả 2 chỉ vàng trị giá 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng chẵn) nhưng anh M thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hà.

Ngày 23/7/2012 vợ chồng anh M và chị H à có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã S T (thuộc Chi nhánh X Kh) vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn), vay tiền mục đích chăn nuôi bị thua lỗ, ngày 01/11/2012 chị H bỏ đi, khoản nợ này anh M Tự trả. Quan điểm của anh M yêu cầu chị H phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền trên cho anh M. Quan điểm của chị H không đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền trên vì vay để trả số tiền trước anh M đã nợ, để đảo nợ cho anh M vay Ngân hàng. Xét thấy, hiện nay số nợ đã trả hết không còn trong thực tế, do vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu của anh M.

[7] Án phí: Anh Phạm Thanh M tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí trợ cấp nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thanh M. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thanh M và chị Phạm Thị Thu H.

2. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 23/01/2012. Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 23/01/2012 cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Phạm Thanh M được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Phạm Thanh M phải trợ cấp nuôi cháu Phạm Thị Thu Ph cho chị Phạm Thị Thu H số tiền 1.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Công nợ: Không chấp nhận yêu cầu của chị H, anh M.

5. Về án phí: Anh Phạm Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí trợ cấp nuôi con chung được đối trừ vào số tiền tạm ứng

án phí 300.000đ mà anh M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0014351 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V, thành phố Hà Nội. Nay anh M phải nộp tiếp số tiền 300.000đ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Thanh M, chị Phạm Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện B V;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã B Tr
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Thu Hương